

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2017/DS-PT**
Ngày: 16 - 01 - 2018
V/v tranh chấp: “Quyền sở hữu
đối với tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa	: Ông Trần Hoàng Vũ
Các Thẩm phán	: Ông Nguyễn Văn Sơn
	: Bà Thái Thị Huyền Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 196/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- 1.1. Anh Bùi Văn L, sinh năm 1985
- 1.2. Chị Bùi Ngọc H, sinh năm 1978
- 1.3. Chị Bùi Thị X, sinh năm 1987
- 1.4. Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1989
- 1.5. Chị Bùi Thị H3, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ cư trú: tổ 27, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền chị H, chị X, chị H2, chị H3 có anh Bùi Văn L, sinh năm 1985, địa chỉ cư trú: ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/12/2017). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn có luật sư Nguyễn Văn K – Văn phòng Luật sư Hồng Hà thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1947

Địa chỉ cư trú: Số 808, tổ 27, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Văn Q có luật sư Lôi Văn Đ – Văn phòng luật sư Hùng Đức thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1936 (có mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: tổ 27, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Thạnh Tr, huyện P, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 02, ấp Bình A, xã Vĩnh Thạnh Tr, huyện P, tỉnh An Giang.

3.4. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số 434, ấp Mỹ H 1, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh An Giang.

3.5. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1937 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Trung H, xã Tân Tr, huyện T, tỉnh An Giang.

3.6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 16, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang.

3.7. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 27, ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang.

3.8. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 52, ấp Bình Đ, xã Bình P, huyện P, tỉnh An Giang.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện P (vắng mặt)

Trụ sở: ấp Vĩnh T, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Văn L – Phó Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Trong đơn khởi kiện các nguyên đơn Bùi Văn L, Bùi Ngọc H, Bùi Thị X, Bùi Thị H2, Bùi Thị H3 cùng trình bày: Nhà nước thu hồi đất của ông Bùi Văn Tài (do ông Nguyễn Văn Đạt đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với diện tích 1.500m² để xây dựng doanh trại quân đội. Cha chúng tôi (ông Bùi Văn Tài) bệnh nặng không đi làm thủ tục kê khai và nhận tiền bồi thường nên có nhờ ông Q kê khai nhận tiền dùm. Sau khi nhận tiền, ông Q không trả lại tiền cho cha của chúng tôi là ông Bùi Văn Tài. Do cha chúng tôi đã chết, nay chúng tôi là con đẻ của ông Tài khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải trả lại số tiền Nhà nước bồi thường mà ông Q đã nhận thay là 299.361.500đ cho chúng tôi.

Ngày 05 tháng 10 năm 2016, các nguyên đơn có đơn yêu cầu đưa vợ của ông Nguyễn Văn Q là bà Phạm Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và yêu cầu bà N cùng có trách nhiệm liên đới với ông Q trả lại số tiền 299.361.500 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn ông Bùi Văn L, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn X, H, H2, H3 trình bày lý lẽ, lập luận bảo vệ cho yêu cầu khởi kiện như sau: Khoảng năm 1980, ông Nguyễn Văn Đạt cho ông Bùi Văn Tài 02 công đất trồng lúa (tương ứng 2000 m²), đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung. Việc ông Đạt cho đất ông Tài là do ông Tài là con riêng của ông Nguyễn Văn Đạt với bà Nguyễn Thị Bạc, các cô, bác ruột gồm cô H5, bác ba N, cô năm H4, bà T, bà Nữa, bà N1, bà Kh, ông Q đều biết sự việc ông Đạt có cho ông Tài 2000m² đất trồng lúa, đều công nhận mối quan hệ giữa ông Tài và ông Đạt là cha con đẻ. Từ khi ông Đạt cho đất cho Bùi Văn Tài thì cha chúng tôi là người trực tiếp canh tác đất liên tục từ năm 1980 cho đến khi Nhà nước thu hồi mua lại đất cách đây khoảng hơn 02 năm nay. Việc ông Đạt cho đất cho ông Tài chỉ nói miệng, không làm giấy tờ, đất thì vẫn do ông Nguyễn Văn Đạt đứng tên. Diện tích đất trồng lúa mà ông Nguyễn Văn Đạt cho ông Bùi Văn Tài 02 công đất trồng lúa (tương ứng 2000 m²) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đạt và phần đất này đã được Nhà nước thu hồi mua lại đất cách đây 02 năm. Thời điểm Nhà nước thu hồi đất thì cha chúng tôi (ông Bùi Văn Tài) bị bệnh ung thư gan giai đoạn cuối, chúng tôi nghèo và không biết chữ nên ông Q giúp kê khai nhận tiền bồi thường dùm. Sau khi nhận tiền bồi thường, ông Q không giao lại số tiền nhận bồi thường phần đất của ông Tài cho đến khi ông Tài chết. Nay, chúng tôi yêu cầu ông Q trả lại số tiền 299.361.500đ (tiền nhận bồi thường đối với diện tích 1.500m² mà ông Đạt đã cho ông Tài trước năm 1980). Đây là những cơ sở các nguyên đơn xác định số tiền 299.361.500đ là thuộc sở hữu của các nguyên đơn nên yêu cầu bị đơn Q phải có nghĩa vụ trả lại.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Trước đây cha ông Q là ông Nguyễn Văn Đạt có cho ông Bùi Văn Tài mượn 1.000m² đất nông nghiệp để trồng lúa. Năm 1996, ông Đạt qua đời, ông Tài vẫn canh tác đất cho đến năm 2010 thì ông Tài kêu ông Q trả lại đất. Khi nhận đất do ông Tài trả, ông Q canh tác liên tục đến ngày Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung đoàn Bộ binh 892; Nhà nước bồi thường, hỗ trợ cho ông là đúng vì diện tích đất nói trên là của ông, ông là con út trong gia đình nên ông được hưởng. Do vậy, ông không đồng ý trả lại số tiền 299.361.500 đồng cho các nguyên đơn. Lý do đất là của cha mẹ ông cho ông, không phải đất của ông Tài nên các con ông Tài yêu cầu ông trả lại tiền bồi thường là ông không đồng ý. Phần đất do cha mẹ cho ai thì người đó hưởng, đã thống nhất trong anh em về việc cha là Nguyễn Văn Đạt cho đất cho anh em chúng tôi lúc cha còn sống. Ông không thừa nhận ông Tài là con đẻ của ông Nguyễn Văn Đạt, chỉ là hàng xóm. Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Đạt, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nguyễn Văn Đạt đứng tên. Cha tôi là ông Nguyễn Văn Đạt cho ông Tài mượn đất canh tác sử dụng từ khoảng năm 1989 và ông Q nhớ lúc cho ông Tài mượn đất thì ông Q khoảng 27 tuổi, khi nào ông Tài trả thì trả, không trả thì thôi. Ông Q là người trực tiếp nhận tiền bồi hoàn là 1.353.933.278 đồng tương đương diện tích 8.943m² đất, trong đó có phần diện tích đất cho ông Tài mượn làm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kh; bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N2 cùng trình bày: Cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn Đạt, bà Nguyễn Thị Phương tạo lập được 30 công đất trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Trung. Cha mẹ chúng tôi có các người con chung: H5, N, N1, H4, Q, T, Kh, N2 và có 02 người con riêng nhưng chết một người, còn lại là Bùi Văn Tài (ông Tài chết vào tháng 7 năm 2015). Cha mẹ chúng tôi chết không có di chúc, lúc cha mẹ chúng tôi còn sống có cho riêng ông Bùi Văn Tài 02 công đất trồng lúa, vì ông Tài là con riêng ông Đạt. Ông Đạt cho đất ông Tài khoảng thời gian sau giải phóng vào năm 1975, ông Tài canh tác đất liên tục cho đến khi Nhà nước mua lại đất. Khi ông Tài canh tác đất thì anh em chúng tôi không ai có ý kiến gì, sau khi cha mẹ chúng tôi chết thì anh em chúng tôi không ai có ý kiến gì về phần đất ông Tài được ông Đạt cho để canh tác. Chúng tôi xác định phần diện tích đất ông Đạt cho ông Tài 2 công đất trồng lúa là của riêng phần ông Tài. Do vậy khi Nhà nước thu hồi đất thì tiền bồi thường là của ông Tài, ông Tài chết thì các con ông Tài được hưởng. Chúng tôi có ý kiến ông Q phải trả lại số tiền đã nhận bồi thường tương ứng với phần đất ông Tài canh tác cho các con của ông Tài. Chúng tôi thống nhất theo sự phân chia đất của cha mẹ, chúng tôi không yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản mà cha mẹ tôi còn sống tạo lập được. Mặc dù, ông Tài được ông Đạt cho 02 công đất nhưng thực tế ông Tài chỉ làm có 1,5 công do phần còn lại là đất gò.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H5 trình bày: Ông Nguyễn Văn Đạt lúc còn sống có cho ông Bùi Văn Tài 02 công đất trồng lúa vào

khoảng năm 1980, ông Tài nhận đất canh tác liên tục cho đến khi Nhà nước thu hồi và không ai tranh chấp, nhưng chưa tách thửa chuyển quyền sử dụng đất, ông Đạt vẫn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H4 trình bày: Cha bà là ông Nguyễn Văn Đạt có cho ông Bùi Văn Tài 02 công đất tọa lạc tại xã Vĩnh Thạnh Trung, thời điểm cho chỉ nói miệng, ông Tài đã nhận đất canh tác từ thời điểm được cho đến khi Nhà nước thu hồi. Bà cũng nghe nói ông Q đi làm thủ tục nhận tiền giùm ông Tài nhưng không đưa lại tiền cho ông Tài. Bà có ý kiến ông Q trả lại tiền nhận bồi hoàn cho các con ông Tài theo diện tích đất canh tác thực tế là 1,5 công đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Cha bà là ông Nguyễn Văn Đạt có cho Bùi Văn Tài 02 công đất, chỉ nói miệng, cho vào khoảng năm 1980, ông Tài là người trực tiếp canh tác đất từ năm 1980 cho đến ngày Nhà nước mua lại đất, ông Q đang giữ tiền Nhà nước bồi hoàn phần diện tích đất ông Tài được ông Đạt cho, ông Q phải trả lại số tiền do Nhà nước bồi thường cho các con ông Tài.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- **Nguyên đơn ông L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn X, H, H2, H3 trình bày:** Do các nguyên đơn cộng các khoản tiền nêu trong đơn khởi kiện là 299.361.500 đồng là do cộng sai, cộng các khoản tiền nêu trong đơn khởi kiện cộng đúng là 258.537.000 đồng nên điều chỉnh lại số tiền yêu cầu. Các nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ trả lại số tiền nhận bồi thường phần diện tích đất 1.500m² của ông Bùi Văn Tài với số tiền là 212.439.000 đồng (gồm đất lúa 1.500m², mức bồi thường 55.000 đồng/1m², thành tiền 82.500.000đ; đất được hưởng hệ số K = 1,5 x 1.500.000m² x 55.000đ/m² thành tiền là 123.750.000đ, lúa trên đất chưa thu hoạch là 4.189.000 đồng; Kh thưởng 2.000.000 đồng). Rút lại yêu cầu khởi kiện buộc trách nhiệm liên đới đối với bà Phạm Thị N, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hỗ trợ nhân khẩu là 46.098.000 đồng.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:** Không đồng ý trả lại tiền đã nhận bồi thường theo yêu cầu của các nguyên đơn.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, đồng thời ông N là người đại diện theo ủy quyền của bà Kh; bà T, bà Nữa trình bày:** Các ông, bà đều xác định ông Nguyễn Văn Đạt có tặng cho 02 công đất trồng lúa cho ông Bùi Văn Tài vào khoảng năm 1980, chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Ông Bùi Văn Tài đã nhận phần diện tích đất canh tác kể từ khi được cho, canh tác liên tục, không ai tranh chấp, cho đến khi Nhà nước thu hồi mua lại toàn bộ diện tích đất của ông Nguyễn Văn Đạt vào năm 2014, trong đó có phần đất ông Tài canh tác.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H4, N1:** các bà cho rằng ông Bùi Văn Tài không phải là con đẻ của ông Nguyễn Văn Đạt, ông Đạt chỉ cho

ông Tài mượn đất để làm, cho mượn đất khi nào ông Tài muốn trả thì trả chứ không phải cho luôn.

- Ủy ban nhân dân huyện Pcó văn bản trình bày ý kiến: Ủy ban nhân dân xã nơi có đất đã xác định ông Tài canh tác diện tích 1.800m² từ khoảng năm 1995 đến khi thực hiện dự án. Thời điểm thực hiện dự án áp dụng Luật đất đai năm 2003 quy định Ủy ban nhân dân có trách nhiệm xác định nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng, tình trạng tranh chấp đất,... Ủy ban nhân dân xã đã xác nhận tình trạng sử dụng đất của ông Tài là cơ sở để Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 163/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Pđã xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của các nguyên đơn đối với số tiền bồi thường hỗ trợ nhân khẩu là 46.098.000 đồng và yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới chung của bà Phạm Thị N;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với số tiền là 211.439.000 đồng;

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn đối với số tiền khen thưởng là 1.000.000 đồng;

- Buộc ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả lại cho các nguyên đơn Bùi Văn L, Bùi Ngọc H, Bùi Thị X, Bùi Thị H2, Bùi Thị H3 số tiền 211.439.000 đồng;

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, ông Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, ông không đồng ý với quyết định của bản án và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn ông Nguyễn Văn Q vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Lôi Văn Đức và ông Q trình bày: Không đồng ý trả số tiền 211.439.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên, vì: Ông Tài không phải là con riêng của ông Đạt, không được ông Đạt cho đất. Ông Tài là người trả lại đất cho ông Q vào năm 2010 có người làm chứng, từ đó ông Q trực tiếp canh tác đất cho đến khi bị thu hồi đất. Việc bồi thường ông Tài không có ủy quyền cho ông Q nhận tiền bồi thường như nguyên đơn trình bày. Ông Đạt vẫn là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có việc cho đất ông Tài. Các con ông Đạt, gồm Q, H4, N1 không thừa nhận ông Tài là con ông Đạt. Ông Tài không có giấy tờ gì cho rằng ông là con của ông Đạt.

Luật sư Nguyễn Văn Kán và ông L trình bày: Thống nhất theo án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Q vì: Ông Tài là người đã sử dụng đất tranh chấp này trên 30 năm không ai tranh chấp cho đến khi Nhà nước thu hồi và bồi thường thì mới xảy ra tranh chấp và được xác nhận của người chạy nước thủy lợi ruộng lúa. Mọi người đều thừa nhận ông Tài là con của ông Đạt và kêu ông Tài về cất nhà ở đối diện với nhà ông Đạt. Ông Đạt cho đất nhiều người con, họ đã trực canh nhưng chưa tách thửa mà ông Đạt vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất và thực tế là những người con đã được nhận tiền bồi thường. Do ông Tài bị bệnh không đi khai đất sử dụng được nên nhờ ông Q khai giúp.

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Anh em chúng tôi đều thừa nhận ông Tài là con riêng của ông Đạt, ông Đạt có cho đất ông Tài, những người con khác sau này không thừa nhận ông Tài là con của ông Đạt cũng vì đồng tiền mà họ có những lời khai không đúng sự thật so với những gì trước đây họ đã khai.

Bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T: Thống nhất theo những gì ông N trình bày.

Bà Phạm Thị N: Không có ý kiến.

Tranh luận Luật Lôi Văn Đức và ông Q trình bày: Ngoài lời khai thì không có cơ sở nào xác định ông Tài là con của ông Đạt. Không có ý kiến của bà Phương là vợ ông Đạt đồng ý cho đất ông Tài. Ông Tài trả đất lại cho ông Q có 3 người làm chứng có lời khai. Việc ông Q hưởng nhiều vì do ông Q là con út, thờ cúng nên cũng hợp lý. Ông Q không yêu cầu giám định gen do không hiểu. Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Q do Nhà nước đã bồi hoàn cho ông Q là đúng pháp luật.

Luật sư Nguyễn Văn Kán trình bày: Các con của ông Đạt trước khi phiên tòa sơ thẩm đều xác nhận ông Tài là con của ông Đạt và ông Đạt có cho ông Tài đất. Ông Tài là người canh tác đất ổn định, làm nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với Nhà nước. Ông Tài sử dụng đất ổn định, nhiều năm. Ông Đạt được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy N trong sổ đất này có những người con khác của ông Đạt được cho đất và trực canh nên việc cấp giấy của ông Đạt là chưa chính xác. Đất này của ông Tài, án sơ thẩm xử là có căn cứ, buộc ông Q trả lại tiền cho các đồng thừa kế của ông Tài. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét.

Ông Bùi Văn L thống nhất theo phần trình bày của luật sư Kán.

Ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị T: Không có ý kiến tranh luận.

Luật sư Lôi Văn Đức tranh luận: Thời gian ông Tài canh tác là không xác định được nên nói trên 30 năm là không phù hợp, chỉ trên dưới 20 năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Năm 1980 ông Đạt cho ông Tài 2.000m² đất do ông Tài là con của ông Đạt, các con ông Tài và những người cô bác là con của ông Đạt cũng xác nhận việc này. Ông Q kê khai và nhận tiền bồi thường đối với đất này mà không trả lại cho ông Tài là không có căn cứ pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm đã giải quyết và quyết định như vậy là có căn cứ. Ông Q kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 163/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Q: Tuy ông Q không thừa nhận ông Tài là con của ông Đạt và không thừa nhận việc ông Đạt cho ông Tài đất canh tác mà hiện nay Nhà nước đã thu hồi và bồi thường (ông Q đang giữ tiền bồi thường), nhưng lời khai của các anh em ruột của ông Q như ông N, bà T, bà H4, bà N2, bà N1 trong các bản khai và đối chất đều thừa nhận ông Tài là anh em cùng cha khác mẹ với các ông bà và được ông Đạt cho đất canh tác. Điều này phù hợp với các lời khai của các đồng nguyên đơn và những người làm chứng khác là bà con của ông Đạt có trong hồ sơ vụ án.

[2] Ngoài ra, trên thực tế những người con khác của ông Đạt cũng được ông Đạt cho đất và đã nhận đất canh tác nhiều năm nhưng vẫn chưa tách thửa, sang tên, đăng ký quyền sử dụng đất riêng cho mình, ông Đạt vẫn đứng tên quyền sử dụng đất, tương tự như trường hợp của ông Tài. Từ đó, có đủ cơ sở xác định phần đất này ông Đạt đã cho ông Tài và ông Tài đã sử dụng canh tác nhiều năm cho đến khi Nhà nước thu hồi. Luật sư bảo vệ cho ông Q nêu ra việc tặng cho không có ý chí của bà Phương. Thấy rằng, bà Phương là vợ của ông Đạt không có ý kiến gì về việc ông Tài sử dụng đất của ông Đạt trong thời gian dài, không có tranh chấp. Chứng tỏ bà cũng đồng ý việc này. Ông Q kê khai nhận tiền bồi thường đối với phần đất mà ông Đạt đã cho ông Tài là không có cơ sở. Do đó cấp sơ thẩm xử và buộc ông Q phải trả lại số tiền 211.439.000 đồng cho các đồng thừa kế của ông Tài sở hữu là phù hợp.

[3] Ông Q kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét khác. Giữ y bản án sơ thẩm số 163/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q;
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 163/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.
- Án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017041 ngày 28/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, nên không phải nộp thêm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND huyện Châu Phú (1)
- THA huyện Châu Phú (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

Trần Hoàng Vũ

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA